

# ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM HIỆN THỰC HÓA TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VAI TRÒ NGOẠI GIAO TRONG KỶ NGUYÊN VƯỜN MÌNH CỦA DÂN TỘC

*THE COMMUNIST PARTY OF VIETNAM MATERIALIZES HO CHI MINH'S THOUGHT  
ON THE ROLE OF DIPLOMACY IN THE ERA OF NATIONAL RISE*

*NGUYỄN THỊ TƯỜNG DUY<sup>(\*)</sup>*

THÔNG TIN	TÓM TẮT
<p>Ngày nhận bài: 17-4-2025            Ngày biên tập xong: 09-5-2025            Ngày duyệt đăng: 29-5-2025            Mã số: TCKH51-15-2025            ISSN: 2525 – 2429</p> <p><b>Từ khóa:</b> ngoại giao; Hồ Chí Minh; Đảng Cộng sản Việt Nam.  <b>Key words:</b> diplomacy; Ho Chi Minh; Communist Party of Vietnam.</p>	<p><i>Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn xác định ngoại giao không chỉ là phương tiện giao tiếp quốc tế đơn thuần, mà là một mặt trận đấu tranh đặc biệt - nơi kết hợp nhuần nhuyễn giữa bản lĩnh chính trị, trí tuệ chiến lược và nghệ thuật vận động quốc tế để phục vụ sự nghiệp cách mạng Việt Nam. Quan điểm này được thể hiện nhất quán trong suốt hành trình cách mạng của Người và đã trở thành nền tảng tư tưởng cho đường lối ngoại giao của Đảng Cộng sản Việt Nam. Bài viết khẳng định vai trò của ngoại giao trong việc bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc, thúc đẩy hợp tác và nâng cao vị thế quốc tế của Việt Nam trên cơ sở chiều sâu Tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò của ngoại giao. Qua đó, bài viết cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của việc tiếp tục vận dụng sáng tạo và hiệu quả Tư tưởng Hồ Chí Minh trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam.</i></p> <p><b>ABSTRACT:</b> <i>President Ho Chi Minh consistently viewed diplomacy not merely as a tool for international communication, but as a distinctive front in the revolutionary struggle - one that seamlessly combines political acumen, strategic intellect, and the art of international advocacy to serve the revolutionary cause of Vietnam. This perspective is evident throughout his revolutionary journey and has laid the ideological foundation for the foreign policy of the Communist Party of Vietnam. This article affirms the critical role of diplomacy in protecting national interests, fostering cooperation, and enhancing Vietnam's international standing, grounded in the profound ideological depth of Ho Chi Minh's views on diplomacy. Additionally, the article emphasizes the importance of continuously applying Ho Chi Minh's ideology in a creative and effective manner within the era of Vietnam's national resurgence.</i></p>

<sup>(\*)</sup> TS. Trường Đại học Công thương Thành phố Hồ Chí Minh, duyntt@huit.edu.vn

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho mọi đường lối, chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam, trong đó có lĩnh vực ngoại giao. Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn xác định rõ ràng vị trí, vai trò của công tác ngoại giao như một mặt trận quan trọng, góp phần vào sự nghiệp bảo vệ và phát triển đất nước. Trong bối cảnh hiện nay, khi Việt Nam đang ngày càng hội nhập sâu rộng vào đời sống quốc tế, công tác ngoại giao không chỉ là phương tiện mở rộng quan hệ hợp tác mà còn là một công cụ chiến lược nhằm bảo vệ lợi ích quốc gia, nâng cao vị thế đất nước trên trường quốc tế. Việc vận dụng và hiện thực hóa Tư tưởng Hồ Chí Minh về ngoại giao trong đường lối, chính sách và thực tiễn hoạt động đối ngoại của Đảng Cộng sản Việt Nam vì thế càng mang ý nghĩa cấp thiết và có tính thời sự sâu sắc.

## 2. NỘI DUNG

### 2.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò của ngoại giao

#### 2.1.1. Ngoại giao là phương tiện hữu hiệu trong bảo vệ độc lập, chủ quyền của dân tộc

Lịch sử cách mạng Việt Nam là một quá trình đấu tranh liên tục, gian khổ nhưng đầy trí tuệ và bản lĩnh nhằm giành và giữ vững độc lập, chủ quyền dân tộc. Trong tiến trình ấy, ngoại giao luôn đóng vai trò đặc biệt, kết hợp nhuần nhuyễn giữa sức mạnh mềm và sức mạnh cứng của quốc gia. Dưới sự chỉ đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh - người đặt nền móng cho nền ngoại giao cách mạng Việt Nam - ngoại giao không chỉ nhằm thiết lập quan hệ quốc tế mà còn là phương tiện quan trọng trong việc giữ vững độc lập và khẳng định chủ quyền dân tộc.

Ngay sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, chính quyền cách mạng Việt Nam rơi vào tình thế vô cùng nguy cấp. Vừa phải đối phó với quân Tưởng Giới Thạch ở miền Bắc vừa đối phó với thực dân Anh ở miền

Nam, đặc biệt là mưu đồ quay lại của thực dân Pháp. Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng đã thể hiện tầm nhìn chiến lược vượt thời đại khi chủ trương đàm phán thay vì đối đầu vũ trang trong giai đoạn chưa thuận lợi. Lúc này, Chủ tịch Hồ Chí Minh xác định rõ vai trò đặc biệt quan trọng và tính cấp thiết của công tác ngoại giao, xem đó là một bộ phận cốt lõi trong chiến lược cách mạng toàn diện. Tại Hội nghị Tân Trào năm 1945, khi bàn về phương hướng ngoại giao, Người đã nhấn mạnh: *“Chính sách của ta là phải tránh cái trường hợp một mình đối phó với nhiều lực lượng đồng minh (Trung Quốc, Anh, Pháp, Mỹ) tràn vào nước ta và đặt một chính phủ của Pháp Đogôn hay một chính phủ bù nhìn Pháp trái với ý nguyện của dân tộc”* [5, tr.102].

Có thể thấy, việc ký kết Hiệp định Sơ bộ ngày 06-3-1946 với Pháp vừa tạo điều kiện cho quân Tưởng rút về nước vừa giúp Việt Nam có thêm thời gian quý báu để củng cố chính quyền non trẻ. Như Hồ Chí Minh từng nói: *“Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”* [5, tr.534].

Thực tế, việc ký kết Hiệp định Sơ bộ và sau đó là Tạm ước 14-9-1946 là một chiến thuật nhằm tranh thủ thời gian để củng cố lực lượng cách mạng và loại bỏ sự hiện diện của quân Tưởng, vốn đang đe dọa nền độc lập non trẻ từ phía Bắc. Tuy nhiên, khi nhận thấy đàm phán không còn hiệu quả lâu dài, Người nhanh chóng chuyển hướng chiến lược, vừa tranh thủ ngoại giao, vừa chuẩn bị cho khả năng kháng chiến lâu dài.

Khi chiến tranh toàn diện bùng nổ vào cuối năm 1946, ngoại giao không rơi vào thế bị động mà tiếp tục trở thành một mặt trận trọng yếu, song hành cùng chiến tranh nhân dân. Chủ trương nhất quán của Hồ Chí Minh và Đảng ta là kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, mà ngoại giao chính là cầu nối với lực lượng tiến bộ trên thế giới. Cụ thể, hoạt động ngoại giao được thực hiện một cách chủ động

và linh hoạt với mục tiêu chính là củng cố vị thế của Chính phủ kháng chiến trên trường quốc tế. Để đạt được điều đó, Việt Nam vừa tranh thủ sự hậu thuẫn của các nước xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là Liên Xô và Trung Quốc, vừa tích cực vận động các lực lượng yêu chuộng hòa bình và phong trào công nhân quốc tế nhằm lên án cuộc chiến tranh xâm lược do thực dân Pháp tiến hành tại Đông Dương, cũng như tranh thủ sự ủng hộ của dư luận quốc tế về sự hợp pháp của nhà nước cách mạng Việt Nam.

Đỉnh cao trong vai trò của ngoại giao trong việc giành độc lập, chủ quyền tiếp tục được khẳng định qua Hội nghị Giơ-ne-vơ năm 1954. Với Hiệp định Giơ-ne-vơ, độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam đã được Pháp và các quốc gia khác thừa nhận. Pháp phải rút quân để lập lại hòa bình ở Đông Dương. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định, Hội nghị Giơ-ne-vơ *“ghi rõ nơi chủ nghĩa thực dân lần xuống dốc và tan rã, đồng thời phong trào giải phóng dân tộc khắp thế giới đang lên cao đến thắng lợi hoàn toàn”* [8, tr. 315].

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, hoạt động ngoại giao của Việt Nam được tiến hành một cách mạnh mẽ, vừa công khai, vừa bí mật. Hồ Chí Minh và Bộ Chính trị đã xác định rõ tầm quan trọng của mặt trận ngoại giao trong việc gây sức ép buộc Mỹ phải ngồi vào bàn đàm phán, điều này thể hiện rõ qua các cuộc đàm phán dẫn đến việc ký kết Hiệp định Paris năm 1973. Với Hiệp định Paris, Việt Nam buộc Hoa Kỳ phải rút quân, mở đường cho thắng lợi hoàn toàn năm 1975 - một minh chứng điển hình cho việc sức mạnh tổng hợp dân tộc - quân sự, chính trị, ngoại giao - cùng hướng tới mục tiêu bảo vệ độc lập và chủ quyền quốc gia.

Có thể nói, Hồ Chí Minh với tư duy chiến lược và bản lĩnh ngoại giao Hồ Chí Minh - người đã nhìn xa trông rộng, sử dụng ngoại giao như một phương tiện, công cụ bảo vệ cách mạng non trẻ, vận dụng linh hoạt ngoại giao để hóa giải nguy cơ, củng cố lực lượng và tranh

thủ dư luận quốc tế. Từ Hiệp định Sơ bộ đến Hội nghị Giơ-ne-vơ, Hiệp định Paris năm 1973, mỗi bước đi đều cho thấy ngoại giao không chỉ hỗ trợ chiến trường mà là một vũ khí sắc bén bảo vệ độc lập, khẳng định chủ quyền quốc gia trong thời đại cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Đây cũng là bài học quý báu cho hoạt động đối ngoại Việt Nam trong công cuộc bảo vệ chủ quyền lãnh thổ hiện nay.

### **2.1.2. Ngoại giao góp phần xây dựng, lan tỏa hình ảnh tích cực của quốc gia**

Ngoại giao là công cụ hàng đầu trong việc xây dựng và quảng bá hình ảnh quốc gia trên trường quốc tế. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, hình ảnh quốc gia không chỉ là biểu tượng chính trị - văn hóa mà còn là tài sản chiến lược quyết định đến khả năng thu hút đầu tư, du lịch, và tạo dựng vị thế trong quan hệ quốc tế. Đối với Việt Nam, dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh, hoạt động ngoại giao ngay từ buổi đầu giành chính quyền đã được xác định là một mặt trận - nơi vừa đấu tranh chính trị, vừa là nơi thể hiện bản lĩnh, trí tuệ và chính nghĩa của một dân tộc yêu chuộng hòa bình.

Ngay sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, trong bối cảnh quốc tế phức tạp, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã rất chú trọng đến việc truyền thông hình ảnh Việt Nam là một quốc gia độc lập, có chủ quyền, yêu chuộng hòa bình và khát khao hội nhập. Hồ Chí Minh viết: *“chúng tôi chỉ đòi hỏi nền độc lập hoàn toàn, nền độc lập mà cho tới nay đã là một thực tế, và nó sẽ cho phép chúng tôi hợp tác với các quốc gia khác trong việc xây dựng nên một thế giới tốt đẹp hơn và một nền hòa bình bền vững”* [5, tr.210]. Thông điệp này vừa là lời khẳng định chủ quyền, vừa thể hiện rõ nỗ lực xây dựng hình ảnh Việt Nam như một chủ thể tích cực và có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế. Hình ảnh một Việt Nam kiên cường chính nghĩa, chiến đấu để bảo vệ độc lập chứ không phải hiếu chiến, đã được khẳng định qua các cuộc đàm phán ngoại giao - từ Hiệp định Sơ bộ 1946,

Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954, đến Hiệp định Paris 1973. Trong các diễn đàn quốc tế, Việt Nam luôn thể hiện thái độ cầu thị, sẵn sàng đối thoại để tìm kiếm giải pháp hòa bình, qua đó góp phần tạo dựng niềm tin và thiện cảm từ cộng đồng quốc tế.

Từ Hiệp định Sơ bộ năm 1946, Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954 đến Hiệp định Paris năm 1973, lịch sử ngoại giao Việt Nam đã để lại những dấu ấn đặc biệt, thể hiện rõ bản lĩnh chính trị, trí tuệ và tư tưởng đối ngoại nhất quán mà Hồ Chí Minh là người khởi xướng và Đảng Cộng sản Việt Nam là lực lượng hiện thực hóa. Trong mỗi giai đoạn lịch sử, Việt Nam đều đối mặt với những thách thức to lớn từ các thế lực xâm lược có tiềm lực quân sự vượt trội. Tuy nhiên, bằng đường lối ngoại giao khôn khéo, mềm dẻo nhưng kiên định về nguyên tắc, Việt Nam không những giữ vững được chủ quyền mà còn tranh thủ được sự đồng tình của cộng đồng quốc tế, tạo dựng hình ảnh một dân tộc yêu chuộng hòa bình và có chính nghĩa.

Hiệp định Sơ bộ năm 1946 là kết quả của sự nhạy bén trong tư duy đối ngoại của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Ban lãnh đạo Đảng trong bối cảnh vừa giành độc lập nhưng đang đối mặt với nhiều nguy cơ cùng lúc: quân Tưởng ở miền Bắc, thực dân Pháp ở miền Nam và nội bộ đất nước còn chưa ổn định. Với chiến lược “hòa để tiến”, Việt Nam ký Hiệp định Sơ bộ với Pháp nhằm buộc quân Tưởng rút về nước, tranh thủ thời gian để củng cố lực lượng. Hồ Chí Minh từng căn dặn: *“Găng nhưng không được bẻ. Đoàn kết và đoàn kết, đó là quan điểm của chính phủ ta. Chúng ta sẵn sàng nhân nhượng để có một giải pháp chung. Song, độc lập quốc gia và tự do dân tộc thì không được vi phạm”* [6, tr.231]. Lập trường ấy cho thấy sự nhất quán giữa mục tiêu giữ vững độc lập dân tộc và phương thức mềm dẻo về đối ngoại.

Tiếp đó, tại Hội nghị Giơ-ne-vơ năm 1954, sau chiến thắng Điện Biên Phủ lừng lẫy, ngoại giao Việt Nam đã phát huy tối đa vị thế của bên

thắng trận để giành lợi ích chính trị thông qua con đường đàm phán.

Hiệp định Paris năm 1973 tiếp tục là một mốc son trong lịch sử ngoại giao Việt Nam, khi nước ta phải đối mặt với một đối thủ lớn hơn rất nhiều - Hoa Kỳ. Trong suốt quá trình đàm phán kéo dài hơn 4 năm (1968-1973), phái đoàn đàm phán Việt Nam đã kiên trì lập trường chính nghĩa, đấu tranh không mệt mỏi trước các âm mưu kéo dài chiến tranh của Mỹ. Song song với chiến trường quân sự là một chiến trường ngoại giao khốc liệt để tranh thủ phong trào phản chiến, kêu gọi lương tri nhân loại, đồng thời xây dựng hình ảnh một dân tộc kiên cường, có lý, có tình. Việc buộc Mỹ ký kết Hiệp định Paris, rút quân khỏi miền Nam Việt Nam là một thắng lợi ngoại giao mang tính lịch sử, minh chứng cho hiệu quả của việc kết hợp đấu tranh vũ trang với đấu tranh ngoại giao một cách nhuần nhuyễn.

Điểm chung trong ba mốc ngoại giao lịch sử trên là Việt Nam luôn chủ động đề xuất giải pháp hòa bình, thể hiện tinh thần cầu thị, sẵn sàng đối thoại nhưng kiên quyết bảo vệ lợi ích cốt lõi của dân tộc. Trên các diễn đàn quốc tế, Việt Nam luôn nhấn mạnh tính chính nghĩa của cuộc đấu tranh giành độc lập, đồng thời khẳng định thiện chí hợp tác với mọi quốc gia yêu chuộng hòa bình. Điều này không chỉ góp phần tạo lập một hình ảnh tích cực về đất nước Việt Nam trong mắt bạn bè quốc tế, mà còn là cơ sở để tranh thủ sự ủng hộ chính trị, ngoại giao, thậm chí cả viện trợ vật chất cho sự nghiệp đấu tranh và phát triển đất nước. Ngoại giao, vì thế, không chỉ là một công cụ chiến lược trong đấu tranh giải phóng dân tộc mà còn là phương tiện hữu hiệu để quảng bá hình ảnh, vị thế dân tộc, tạo điều kiện thuận lợi cho công cuộc bảo vệ và phát triển đất nước trong thời đại mới.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa ngày càng sâu rộng, ngoại giao không chỉ giới hạn trong phạm vi xử lý các vấn đề chính trị - an ninh giữa các quốc gia, mà còn mở rộng sang vai trò

kiến tạo môi trường thuận lợi cho phát triển bền vững. Đối với một quốc gia đang phát triển như Việt Nam, ngoại giao trở thành công cụ chiến lược góp phần định hình vị thế quốc gia trên trường quốc tế, xây dựng hình ảnh tích cực, thúc đẩy hòa bình, hợp tác và thu hút các nguồn lực bên ngoài phục vụ cho công cuộc phát triển đất nước.

### **2.1.3. Ngoại giao góp phần tạo lập môi trường hòa bình, thu hút nguồn lực phát triển**

Trong sự phát triển của quốc gia, ngoại giao được nhìn nhận là một phần của quyền lực mềm quốc gia, có khả năng tác động đến hành vi của quốc gia khác thông qua thuyết phục thay vì cưỡng ép. Ngoại giao có thể hình thành liên minh, tranh thủ dư luận quốc tế, xây dựng hình ảnh quốc gia, và qua đó tạo lập một “vành đai an ninh chính trị” trên trường quốc tế - yếu tố sống còn để giữ vững độc lập và chủ quyền. Một trong những mục tiêu chiến lược quan trọng của ngoại giao là kiến tạo môi trường hòa bình, ổn định để phục vụ công cuộc phát triển đất nước. Hồ Chí Minh chỉ rõ: *“Mục tiêu bất di bất dịch của chúng ta vẫn là hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ. Nguyên tắc thì phải vững chắc, nhưng sách lược của ta thì linh hoạt”* [7, tr.555]. Quan điểm này phản ánh rõ triết lý ngoại giao của Hồ Chí Minh: Kiên quyết nhưng mềm dẻo, đấu tranh vì lợi ích quốc gia nhưng luôn coi trọng hòa bình và hợp tác.

Trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, Việt Nam đã thực hiện chiến lược “vừa đánh vừa đàm”, thể hiện rõ qua quá trình đàm phán tại Hội nghị Giơ-ne-vơ năm 1954. Việc chấp nhận đàm phán trong khi vẫn đang giành được thắng lợi quân sự cho thấy tầm nhìn của lãnh đạo Việt Nam trong việc sử dụng ngoại giao để tạo đột phá chiến lược, kết thúc chiến tranh trong danh dự và tạo môi trường hòa bình để tái thiết đất nước. Việc ký kết Hiệp định Giơ-ne-vơ không chỉ giúp Việt Nam giành lại quyền kiểm soát lãnh thổ phía Bắc mà còn tranh thủ được thời gian và điều kiện quốc tế

thuận lợi để chuẩn bị cho cuộc đấu tranh thống nhất đất nước.

Tương tự, trong kháng chiến chống Mỹ, dù đang ở thế áp đảo trên chiến trường, Việt Nam vẫn nỗ lực mở mặt trận ngoại giao, tiêu biểu là Hội nghị Paris (1968-1973). Hiệp định Paris năm 1973 là một thắng lợi to lớn trên mặt trận ngoại giao, góp phần buộc Mỹ rút quân, làm suy yếu tinh thần và ý chí xâm lược, mở ra thời cơ chiến lược cho thắng lợi năm 1975. Qua đó, ngoại giao trở thành yếu tố quyết định giúp chấm dứt chiến tranh, phục hồi hòa bình - điều kiện tiên quyết cho công cuộc phát triển đất nước sau này.

Trong tiến trình cách mạng Việt Nam, đặc biệt là trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, ngoại giao không chỉ đóng vai trò về mặt chính trị và chiến lược, mà còn là phương tiện trọng yếu giúp Việt Nam huy động các nguồn lực từ bên ngoài, tạo ra sức mạnh tổng hợp để đảm bảo thắng lợi cho cuộc kháng chiến trường kỳ và đầy gian khổ. Ngoại giao, dưới sự chỉ đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chứng tỏ vai trò trung tâm trong việc mở rộng mặt trận đoàn kết quốc tế, tranh thủ viện trợ vật chất, tinh thần, và tạo dựng thế trận quốc tế có lợi cho Việt Nam.

Ngay từ những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhận thức sâu sắc rằng cuộc chiến tranh của Việt Nam không đơn thuần là cuộc chiến mang tính nội bộ, mà là một phần trong phong trào đấu tranh rộng lớn của các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới chống lại chủ nghĩa thực dân, đế quốc. Từ đó, Người đã chủ trương gắn cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới và tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ từ các lực lượng tiến bộ quốc tế. Đây là những nguồn lực cực kỳ quý giá cho Việt Nam trong giai đoạn đầu của cuộc kháng chiến, khi mà nước nhà còn chưa có nền công nghiệp quốc phòng đủ mạnh.

Sang thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, hoạt động ngoại giao tiếp tục đóng vai trò then chốt

trong việc vận động, thu hút và khai thác nguồn lực quốc tế. Ngoài các nguồn viện trợ truyền thống từ khối xã hội chủ nghĩa, Việt Nam còn mở rộng mạng lưới bạn bè ở nhiều châu lục thông qua các tổ chức quốc tế, các phong trào phản chiến và các nhóm đấu tranh vì công lý. Đặc biệt, công tác ngoại giao nhân dân và ngoại giao văn hóa trong thời kỳ này đã phát huy hiệu quả vượt ngoài khuôn khổ nhà nước, trở thành một phần không thể tách rời của mặt trận ngoại giao toàn dân.

Một trong những minh chứng sinh động là việc hình thành phong trào phản chiến rộng khắp tại Mỹ và các nước phương Tây. Nhờ sự phối hợp chặt chẽ giữa hoạt động ngoại giao và tuyên truyền quốc tế, Việt Nam đã làm rõ bản chất phi nghĩa của cuộc chiến tranh xâm lược do Mỹ tiến hành, qua đó thúc đẩy phong trào đấu tranh đòi chấm dứt chiến tranh tại chính quốc gia đối địch.

Trong hoàn cảnh khốc liệt của chiến tranh, những nguồn lực vật chất tuy không phải yếu tố duy nhất quyết định thắng lợi, nhưng lại đóng vai trò cực kỳ quan trọng trong việc duy trì sức chiến đấu lâu dài và bền bỉ của dân tộc. Người chủ trương *“dựa vào sức mình là chính, đồng thời tranh thủ sự ủng hộ và giúp đỡ tích cực của các nước xã hội chủ nghĩa anh em và của nhân dân yêu chuộng hòa bình và công lý trên toàn thế giới, kể cả nhân dân tiến bộ Mỹ”* [4, tr.72]. Quan điểm đó thể hiện rõ tinh thần tự lực, tự cường nhưng đồng thời cũng nhấn mạnh đến tầm quan trọng sống còn của việc khai thác các nguồn lực quốc tế thông qua kênh ngoại giao.

Không dừng lại ở khía cạnh vật chất, công tác ngoại giao còn giúp Việt Nam từng bước hội nhập với thế giới, tạo nền móng cho phát triển lâu dài. Những mối quan hệ hợp tác được gây dựng trong thời chiến, với nền tảng là tình đoàn kết quốc tế và sự đồng cảm giữa các dân tộc, sau này đã trở thành cầu nối để Việt Nam bước vào tiến trình tái thiết, phục hồi sau chiến tranh và mở rộng quan hệ đối ngoại trong thời kỳ đổi mới.

## 2.2. Quá trình hiện thực hóa Tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò ngoại giao trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc

Tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò của ngoại giao tiếp tục được Đảng Cộng sản Việt Nam vận dụng linh hoạt, sáng tạo, hiệu quả trong từng giai đoạn lịch sử. Từ những năm kháng chiến gian khổ đến thời kỳ đổi mới và hội nhập quốc tế sâu rộng, ngoại giao luôn là một trụ cột quan trọng trong bảo vệ chủ quyền, thúc đẩy hòa bình và phát triển quốc gia. Trong kỷ nguyên vươn mình mạnh mẽ, việc tiếp tục kế thừa và hiện thực hóa tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh là con đường bền vững để Việt Nam khẳng định vị thế, phát triển toàn diện, đóng góp tích cực vào hòa bình, hợp tác toàn cầu.

*Thứ nhất*, hiện thực hóa Tư tưởng Hồ Chí Minh trong việc bảo vệ độc lập, chủ quyền và quảng bá hình ảnh quốc gia, khẳng định vị thế của Việt Nam trên trường thế giới. Bước vào thời kỳ Đổi mới (từ năm 1986), Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác định một cách nhất quán đường lối đối ngoại rộng mở, linh hoạt và chủ động, nhằm tạo dựng môi trường hòa bình và thu hút các nguồn lực quốc tế phục vụ công cuộc phát triển đất nước. Đại hội IX khẳng định: *“thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế, Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển... mở rộng quan hệ với các nước và vùng lãnh thổ, các trung tâm chính trị, kinh tế quốc tế lớn, các tổ chức quốc tế và khu vực theo các nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ”* [1, tr.42]. Nhờ đó, Việt Nam từ một quốc gia bị bao vây, cấm vận, đã từng bước khẳng định vai trò trên trường quốc tế với một vị thế ngày càng được nâng cao.

Cụ thể, năm 1995 bằng nhiều nỗ lực, Việt Nam đã bình thường hóa quan hệ với Mỹ, gia nhập ASEAN. Đây là những thành tựu quan trọng trong lĩnh vực ngoại giao, nó cho thấy sự

trường thành trong tư duy đối ngoại, chuyển từ đối đầu sang đối thoại, từ khép kín sang hội nhập. Tiếp đó, việc gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) vào năm 2007 đã khẳng định năng lực hội nhập sâu rộng và bản lĩnh ngoại giao thích ứng cao.

Đặc biệt, trong bối cảnh toàn cầu hóa và cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc, Việt Nam đã khéo léo vận dụng tư tưởng ngoại giao độc lập, tự chủ để giữ vững cân bằng chiến lược, không chọn bên nhưng vẫn duy trì được mối quan hệ tốt đẹp với các đối tác lớn như Hoa Kỳ, Trung Quốc, Nga, EU, Nhật Bản, Hàn Quốc... Chiến lược này giúp Việt Nam trụ được một cách vững vàng trong trật tự quốc tế đang biến động nhanh chóng.

Ngoại giao kinh tế trở thành một trong những điểm sáng, là công cụ đắc lực trong thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), thúc đẩy xuất khẩu, tiếp cận tri thức và công nghệ toàn cầu.

Sự hiện diện của các tập đoàn đa quốc gia tại Việt Nam không chỉ mang lại nguồn lực vật chất, mà còn là chỉ dấu cho thấy thành công của chiến lược ngoại giao trong việc tạo dựng niềm tin chiến lược và môi trường kinh doanh ổn định. Đại hội Đảng XI xác định: “*Ngoại giao kinh tế là một trong 3 trụ cột của ngoại giao Việt Nam bên cạnh ngoại giao chính trị và ngoại giao văn hóa. Ngoại giao kinh tế đóng góp vào việc phát triển đất nước từ việc xây dựng quan hệ tốt với các nước, mở rộng hợp tác kinh tế, hỗ trợ cho các bộ ngành, địa phương, doanh nghiệp thông qua các hoạt động kinh tế*” [2, tr.235]. Tư tưởng này còn được Đảng vận dụng trong việc phát triển ngoại giao văn hóa như một trụ cột quan trọng trong chiến lược đối ngoại toàn diện. Các hoạt động như “Ngày Việt Nam ở nước ngoài”, các chương trình “Tuần lễ văn hóa Việt Nam” tại Pháp, Đức, Nhật Bản, Hàn Quốc... hay các chiến dịch quảng bá quốc gia qua du lịch, âm thực, điện ảnh, thời trang đã góp phần gia tăng thiện cảm và sự hiểu biết quốc tế đối với Việt

Nam. Ngoài ra, việc Việt Nam được UNESCO công nhận 14 di sản văn hóa vật thể và phi vật thể như Ca trù, Nhã nhạc cung đình Huế, Hội Gióng, Tín ngưỡng thờ Mẫu... [9], là thành quả của một chiến lược ngoại giao văn hóa hiệu quả, giúp định vị giá trị văn hóa Việt Nam trên bản đồ thế giới.

Trong kỷ nguyên số, truyền thông quốc tế, mạng xã hội và công nghệ thông tin trở thành kênh đối ngoại mới. Việc chủ động xây dựng hình ảnh “*Việt Nam an toàn, thân thiện, năng động, đổi mới*” [9] qua các kênh số đã giúp thu hút khách du lịch, nhà đầu tư và tạo dựng hình ảnh quốc gia có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế. Chính sách “ngoại giao số”, “ngoại giao nhân dân” và chiến lược “thương hiệu quốc gia” [10] là minh chứng cho việc ngoại giao hiện đại không chỉ dừng lại ở các bàn đàm phán mà lan tỏa trên từng nền tảng xã hội.

Thông qua các hoạt động ngoại giao văn hóa và ngoại giao công chúng, Việt Nam đã từng bước định hình hình ảnh về một quốc gia hòa hiếu, tôn trọng luật pháp quốc tế và có lịch sử đấu tranh vì độc lập, tự do. Các sự kiện như: “*Năm APEC 2017, Hội nghị Thượng đỉnh Mỹ - Triều (2019) tại Hà Nội, hay việc Việt Nam đảm nhiệm vai trò Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc (2020-2021)*” [10] đã giúp tăng cường sự hiện diện của Việt Nam trên trường quốc tế, khẳng định năng lực ngoại giao chuyên nghiệp, bản lĩnh và linh hoạt.

*Thứ hai*, hiện thực hóa Tư tưởng Hồ Chí Minh trong việc duy trì môi trường hòa bình, ổn định để phát triển. Hòa bình là tiền đề cơ bản cho mọi nỗ lực phát triển kinh tế - xã hội. Trong lịch sử hiện đại, Việt Nam luôn nhất quán đường lối đối ngoại hòa bình, độc lập, tự chủ, và đã kiên trì vận dụng ngoại giao như một công cụ chiến lược để giải quyết các mâu thuẫn, xung đột tiềm tàng trên cơ sở luật pháp quốc tế và nguyên tắc tôn trọng chủ quyền. Một minh chứng điển hình là quá trình giải quyết các vấn đề biên giới, lãnh thổ với các nước láng

giềng như Trung Quốc, Lào và Campuchia. “Việt Nam đã hoàn thành toàn bộ công tác phân giới cắm mốc trên thực địa với Lào và khoảng 75% với Cam-pu-chia; tích cực đàm phán phân định vùng cửa Vịnh và hợp tác trong lĩnh vực ít nhạy cảm với Trung Quốc, phân định vùng đặc quyền kinh tế với Ấnônêxia; đã giải quyết thành công nhiều vấn đề tồn tại với các nước láng giềng trên cơ sở luật pháp quốc tế. Việt Nam đã hoàn thành việc tăng dày, tôn tạo hệ thống mốc biên giới Việt Nam - Lào, tiếp tục đạt nhiều tiến triển trong việc phân giới cắm mốc biên giới trên bộ Việt Nam - Campuchia, phối hợp với Trung Quốc thực hiện tốt các văn kiện về quản lý biên giới trên bộ, góp phần xây dựng đường biên giới chung hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; tiếp tục đấu tranh ngoại giao kịp thời nhằm giữ vững chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán của nước ta trên biển, phù hợp với Công ước Liên Hiệp Quốc về Luật Biển 1982; tranh thủ được sự ủng hộ của các nước trong và ngoài khu vực đối với việc duy trì hòa bình, ổn định, tự do và an toàn hàng hải, giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp hòa bình trên cơ sở luật pháp quốc tế. Việt Nam và các nước ASEAN cũng đang nỗ lực cùng Trung Quốc hướng tới một Bộ quy tắc ứng xử trên Biển Đông (COC) nhằm duy trì hòa bình, ổn định, kiểm soát các tranh chấp, góp phần xây dựng lòng tin và củng cố mối quan hệ giữa các nước” [3, tr.135].

Thứ ba, hiện thực hóa Tư tưởng Hồ Chí Minh trong việc thu hút nguồn lực phục vụ phát triển. Trong thời đại toàn cầu hóa, việc thu hút các nguồn lực quốc tế - bao gồm vốn đầu tư nước ngoài, khoa học công nghệ, tri thức và nhân lực chất lượng cao - có ý nghĩa chiến lược đối với các quốc gia đang phát triển như Việt Nam. Ngoại giao, với vai trò là “người đi trước mở đường”, chính là lực lượng tiên phong trong kết nối và khai thác các nguồn lực này. Ngoại giao kinh tế đã trở thành một trụ cột quan trọng trong chiến

lược phát triển quốc gia. Việc đàm phán và ký kết thành công hàng loạt hiệp định thương mại tự do (FTA), Đến nay “Việt Nam đã ký 12 Hiệp định thương mại tự do (FTA) đa phương và song phương, trong đó năm 2015 ký các FTA với Liên minh kinh tế Á - Âu, Hàn Quốc và 2 Hiệp định FTA thế hệ mới, FTA với Liên minh châu Âu (EU) và Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP); tích cực đàm phán Hiệp định Đối tác hợp tác toàn diện khu vực (RCEP)... Giai đoạn 2011-2015 đã đẩy mạnh đàm phán và ký 13 hiệp định tránh đánh thuế trùng với các đối tác lớn. Huy động có hiệu quả nguồn vốn nước ngoài (ODA, vốn vay ưu đãi, FDI) cho phát triển kinh tế-xã hội và tạo nhiều việc làm” [3, tr.11].

Các đại sứ quán và cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài đã không ngừng mở rộng mạng lưới đối tác kinh tế, hỗ trợ doanh nghiệp trong nước tiếp cận thị trường toàn cầu, góp phần tăng trưởng GDP bền vững.

### 3. KẾT LUẬN

Tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò của ngoại giao không chỉ là sản phẩm của lịch sử đấu tranh cách mạng mà còn là nền tảng lý luận sâu sắc cho chiến lược đối ngoại của Đảng Cộng sản Việt Nam trong suốt tiến trình phát triển của đất nước. Với tầm nhìn chiến lược và tư duy biện chứng, Hồ Chí Minh đã khẳng định rằng ngoại giao là một mặt trận quan trọng, một công cụ sắc bén trong việc bảo vệ độc lập dân tộc, kiến tạo hòa bình, và thúc đẩy phát triển. Trong kỷ nguyên hội nhập sâu rộng và vươn mình mạnh mẽ của dân tộc, Đảng Cộng sản Việt Nam đã vận dụng sáng tạo và hiện thực hóa tư tưởng đó thông qua đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển. Ngoại giao không chỉ góp phần bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc mà còn kiến tạo hình ảnh một Việt Nam năng động, đổi mới, giàu bản sắc và có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế. Từ thời kỳ kháng chiến chống thực dân, đế quốc đến giai đoạn đổi mới và hội nhập quốc tế hiện nay, đối ngoại luôn giữ vai trò dẫn dắt trong

việc thiết lập môi trường hòa bình, thu hút nguồn lực bên ngoài, mở rộng không gian phát triển đất nước.

Những thành tựu nổi bật của ngoại giao Việt Nam trong ba thập kỷ qua - từ việc bình thường hóa quan hệ với các nước lớn, gia nhập các tổ chức khu vực và toàn cầu, đến việc ký kết các hiệp định thương mại thế hệ mới - là

minh chứng sống động cho quá trình hiện thực hóa tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh trong thời đại mới. Điều đó không chỉ thể hiện bản lĩnh chính trị và trí tuệ đối ngoại của Đảng mà còn khẳng định sức sống trường tồn của Tư tưởng Hồ Chí Minh như một kim chỉ nam cho hành trình phát triển và vươn tầm quốc gia trong kỷ nguyên toàn cầu hóa.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [2] Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [3] Đảng Cộng sản Việt Nam (2015), *Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 30 năm đổi mới (1986-2016)*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- [4] Nguyễn Phúc Luân (2003), *Ngoại giao Hồ Chí Minh lấy chí nhân thay cường bạo*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
- [5] Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- [6] Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 7, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [7] Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 8, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [8] Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 14, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [9] Thủ tướng Chính phủ (2021), *Quyết định số 2013/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược Ngoại giao Văn hóa đến năm 2030*, Hà Nội.
- [10] Thủ tướng Chính phủ (2015), *Quyết định số 210/QĐ-TTg về việc phê duyệt Chiến lược văn hóa đối ngoại của Việt Nam đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030*, Hà Nội.